

VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP VÀ HOÀN CẢNH LỊCH SỬ CỦA TÁC PHẨM

ĐÀO PHƯƠNG CHI*

Việt điện u linh tập (*VDULT*) do Thủ đại tạng thư hoả chính chương Trung phẩm phụng ngự An Tiêm lộ Chuyển vận sứ Lý Tế Xuyên biên soạn vào năm Khai Hựu (開祐) nguyên niên 1329, thời Trần Hiến tông (陳憲宗). Có thể coi đây là một trong những văn bản tác phẩm văn xuôi tự sự cổ nhất của Việt Nam còn lưu lại được. Từ khi ra đời (thế kỷ XIV), *VDULT* đã trở thành một tác phẩm nổi tiếng và liên tục nhận được sự quan tâm của người đời sau. Họ không chỉ đọc *VDULT*, mà tiếp bước Lý Tế Xuyên, còn sưu tầm, tục biên, tục bổ, tăng bổ, trùng bổ, tân đính hiệu bình¹... để tạo ra nhiều văn bản *VDULT* khác mà tên gọi tác phẩm được nối dài hơn, dung lượng truyện được đắp dày thêm, số lượng truyện cũng được tăng lên rất nhiều so với 27 (hoặc 28)² truyện trong lần đầu ra mắt. *VDULT* không những chỉ chiếm được cảm tình của các học giả thời trung đại mà cho đến nay, tác phẩm này vẫn chứng tỏ sức hấp dẫn của nó đối với những nhà nghiên cứu văn học trung đại qua một số công trình nghiên cứu về các mặt như: quan điểm biên soạn và phương pháp biên soạn *VDULT*³, quá trình hình thành văn bản và giá trị tác phẩm⁴, giá trị nội dung và nghệ thuật⁵...

Vì sao *VDULT* lại có một sức hấp dẫn như vậy? Sức hấp dẫn đó không hẳn chỉ vì tác phẩm được ra đời vào thời Trần – thời đại mà văn xuôi trung đại xuất hiện quá ít

ôi, mà còn ở chỗ đây là tác phẩm đánh dấu mốc thể loại cho tiến trình văn xuôi trung đại Việt Nam.

Trước tiên, chúng ta hãy tìm hiểu các nhân vật được Lý Tế Xuyên đưa vào *VDULT*. Đúng như tên gọi tác phẩm, cũng như lời giới thiệu của tác giả, *VDULT* được viết ra là để “ghi chép về cõi u linh”, chép lại hình tích những vị thần “khí thể rùng rục lúc đương thời, anh linh toả rộng đến đời sau”. Các nhân vật được chép trong *VDULT* bao gồm cả những vị vua, tướng lĩnh có thật trong lịch sử và các thiên thần. Không chỉ riêng các thiên thần, các nhân thần trong đó cũng đều rất linh thiêng. Tuy đã trở thành người ở cõi âm (“u”) nhưng hương hồn của họ vẫn linh thiêng (“linh”). Họ linh thiêng đến mức, mỗi khi có giặc ngoại xâm, thì lại hiển hiện giữa nơi trần mạt để mang phép màu ra giúp vua đương thời đánh giặc hoặc giúp dân chống hạn, trừ tai...

Đó là anh em hai vị thần Trương Hồng và Trương Hát khi sống đã là hai chiến sĩ dũng cảm, thiện chiến, có công lớn trong việc đánh giặc, khi thác lại giúp vua Lý Nhân Tông đẩy lui giặc Tống; là Chứng An Minh Ứng Hựu Quốc vương, sống thì giữ yên bờ cõi, chết lại lần lượt chỉ huy thần binh đánh quân Hán, quân Tống và quân Chiêm; là Uy Minh Dũng Liệt Hiến Trung Tá Thánh Phu Hựu đại vương, vị thần mà “phàm thiên tử xuất quân chinh thảo kẻ phản nghịch, ắt đón kiệu vương lên

* TS. Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

trước. Nơi chiến tranh, trên không nghe thấy tiếng binh mã, đều thu được đại thắng.”⁶...

Trong quan niệm thời trung đại, những thể lực thần linh này luôn hiện hữu. Nếu như vào thời Lý, khi Lý Thường Kiệt thống lĩnh quân đội trên phòng tuyến Sông Cầu, bài thơ *Thần Nam Quốc sơn hà* đã như một thể lực thần linh hiển hiện trong đêm để thôi thúc quân sỹ đánh thắng quân giặc trên sông Như Nguyệt, thì đời Lê, khi khởi nghĩa Lam Sơn nổ ra, một câu sấm truyền trong dân gian “Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần” cũng lập tức xuất hiện. Đến thời Mạc “sấm Trạng Trình” lại

ra đời để chỉ dẫn cho nhà Mạc, nhà Nguyễn từng đường đi nước bước, mà mỗi câu mỗi chữ như được xuất phát từ một lực lượng siêu nhân trong cõi “u linh”...

Dù sắc thái đậm nét của lực lượng huyền bí tự cõi “u linh” này càng về sau càng đơn giản hơn (từ truyện văn xuôi, đến những lời “sấm truyền” ngắn gọn), nhưng yếu tố thần linh này đã theo suốt chiều dài lịch sử phong kiến, thể hiện rõ nét trong văn học dân gian, văn học thành văn mà *VDULT* là tác phẩm tiêu biểu. Chúng ta hãy thử tìm hiểu về các thần của Lý Tế Xuyên qua bảng thống kê sau:

Bảng 1: Công trạng các vị thần được chép trong VDULT

TT	Mục	Tên thần	Sinh thời	Khi hóa ⁷	Năm sắc phong		
					TH 1 ⁸	TH 4	HL 21 ⁹
1	Lịch đại nhân quân ¹⁰	Gia Ứng Thiện Cầm Linh Vũ đại vương ¹¹	Có ơn với dân	Rất thiêng	x	x	x
2		Phu Hựu Chương Tín Sùng Nghĩa đại vương	Đánh giặc	Anh linh hiển hách Đánh giặc	x	x	x
3		Minh Đạo Khai Cơ Thánh Liệt Thần Vũ hoàng đế	Đánh giặc	Anh linh	x	x	x
4		Anh liệt Trọng uy Nhân hiếu Khâm minh Thánh vũ hoàng đế		Phúc thần	x	x	x
5		Thiên tổ Địa chủ Xã tắc Đế quân	Dạy nghề nông	Trừ hạn hán Trừ châu chấu	x	x	x
6		Uy liệt Thuần trinh phu nhân	Đánh giặc	Phúc thần Làm mưa		x	x
7		Chế thắng Bảo thuận phu nhân	Đánh giặc	Phúc thần Làm mưa		x	x
8		Hiệp chính Hựu thiện Trinh liệt Chân mãnh phu nhân	Trình tiết	Phúc thần linh ứng	x	x	x
9	Lịch đại phụ thần	Uy minh Dũng liệt Hiền trung Tá thánh Phu hựu đại vương	Đánh giặc, thanh liêm	Phúc thần linh ứng Đánh giặc	x	x	x
10		Hiệu úy Anh Liệt Dũng mãnh Uy thắng Phụ tín Đại vương	Đánh giặc	Phúc thần Đánh giặc	x	x	x
11		Thái úy Trung phụ Dũng vũ Uy thắng công	Đánh giặc	Phúc thần	x	x	x
12		Bảo quốc Trấn Linh Định Bang Quốc đô Thành hoàng Đại vương	Nhân nghĩa, nhường nhịn	Hiển linh	x	x	x
13		Hồng thánh Khuông quốc Trung hiếu Tá trị đại vương	Đánh giặc	Xử án	x	x	x
14		Đô thống Khuông Quốc Tá Thánh vương	Đẹp loạn, đánh giặc	Phúc thần linh ứng	x	x	x

15		Thái úy Trung Tuệ Vũ Lượng công	Cứu vua	Phúc thần	x	x	x
16		Như Nguyệt Khước Định Thiện Hựu Trợ Thuận đại vương	Đánh giặc	đánh giặc	x	x	x
17		Nam Bình Uy Định Dũng Cảm Hiển Thắng đại vương	Đánh giặc	đánh giặc	x	x	x
18		Chứng An Minh Ứng Hựu Quốc vương	Đánh giặc	Đánh giặc Phúc thần	x	x	x
19		Hồi Thiên Trung Liệt Uy Vũ Trợ Thuận đại vương	Làm quan	Hiện linh đánh giặc	x	x	x
20		Quả Nghị Cương Chính Uy Huệ đại vương	Đánh giặc	Phúc thần trừ sòng	x	x	x
21	Hạo khí anh linh	Ứng Thiên Hóa Dục Nguyên Trung Hậu Thổ Địa Kỳ nguyên quân		Hiện linh đánh giặc làm mưa	x	x	x
22		Quảng Lợi Thánh Hựu Uy Tế Phu Ứng đại vương		Phúc thần	x	x	x
23		Minh Chủ Linh Ứng Chiêu Cảm Bảo Hựu đại vương		Phúc thần đánh giặc dẹp loạn	x	x	x
24		Khai nguyên Uy Linh Long trứ Trung vũ đại vương		Anh linh	x	x	x
25		Xung Thiên Dũng Liệt Chiêu Ứng Uy Tín đại vương		Hiện linh	X	x	x
26		Tân Viên Hựu Thánh Khuông Quốc Hiển Ứng vương		Linh ứng	x	x	x
27		Khai thiên Thành hoàng Trấn quốc Trung phụ Tá dực Đại vương		Linh ứng	x	x	x
28		Trung Dục Vũ Phụ Uy Hiển đại vương		Đánh giặc Hiện linh	x	x	x
29		Thiện Hộ Linh Ứng Chương Vũ quốc công		Phúc thần hiển linh	x	x	
30		Lợi Tế Linh Thông Huệ Tín vương		Giúp thu được nhiều ngọc trai	x	x	x

Bảng thống kê cho biết:

- Không kể những thần được *VDULT* ghi một cách chung chung là “linh dị”, “linh ứng” hay “hiển linh”, số thần có tham gia vào việc đánh giặc, giúp dân hoặc làm phúc thần¹² là 26/30 vị, chiếm tỷ lệ 87%.

- Số thiên thần và nhân thần được sắc phong trong các năm:

+ Trùng Hưng 1: 28/ 30 vị, chiếm tỷ lệ 93%.

+ Trùng Hưng 4: 29/30 vị, chiếm tỷ lệ 97%.

+ Hưng Long 21: 30/ 30 vị, chiếm tỷ lệ 100%.

Những số liệu trên cho thấy:

1. Số thần được thờ cúng chép trong *VDULT* đại đa số là có công chống giặc và giúp dân kể cả lúc sinh thời và khi đã hoá, đúng như lời tựa của Lý Tế Xuyên, tác phẩm viết về hình tích của những vị thần “khí thể rùng rục lúc đương thời, anh linh toả rộng đến đời sau”. Điều đó chứng tỏ những người được nhân dân thờ cúng chép trong *VDULT* đều là những phúc thần linh thiêng.

2. Hầu hết các thần đều được sắc phong vào các năm Trùng Hưng nguyên niên, Trùng Hưng 4 và Hưng Long 21. (Thời Trần)

Những thông tin trên nói lên điều gì?

Trở lại hoàn cảnh lịch sử của thời Trần, khi tác phẩm này ra đời. Đây là thời kỳ dân tộc Việt Nam thường xuyên phải gồng mình chống lại sự xâm lược của giặc ngoại xâm, đặc biệt là đội quân Nguyên Mông thiện chiến đã đè bẹp không biết bao nhiêu dân tộc dưới vó ngựa xâm lược của chúng. Những con người Việt Nam yêu nước, nguyện xả thân vì độc lập dân tộc, từ cậu thiếu niên như Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản đến những vị tướng như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Bình Trọng...; từ các phụ lão trong hội nghị Diên Hồng, râu tóc bạc phơ mà tinh thần diệt giặc cứu nước vẫn sôi sục như thời trai trẻ đến các chiến sĩ đồng tâm nhất trí một lòng, khắc trên tay hai chữ Sát Thát... đã góp sức với nhau, tạo nên hào khí Đông A của thời Trần. Đó chính là yếu tố “nhân kiệt” làm nên chiến thắng của dân tộc ta qua các cuộc chiến tranh giữ nước.

Nhưng trong thời kỳ mà cõi “u linh” vẫn chiếm một phần quan trọng trong cuộc sống con người, khi mà mỗi lần ra trận, vua và tướng đều thành kính tới đền thờ các thần mong cầu một sự giúp đỡ, xin ban thêm sức mạnh để chiến thắng quân giặc, thì chỉ có “nhân kiệt” thôi, hình như là chưa đủ, mà phải có địa linh, một yếu tố rất quan trọng trong tâm thức mỗi người Việt Nam. Các thần vẫn là một thế lực lớn hỗ trợ cho dân tộc Việt Nam trong buổi khó khăn. Cứ mỗi lần có ngoại xâm, thì thần lại hiện về giao cảm với vua, với tướng, những người đang gánh trọng trách đuổi kẻ thù chung. Như vậy có nghĩa là, quyền dân tộc, quốc gia không chỉ do con người khẳng định, mà còn do trời, do thần công nhận. Các thần ở đây không hiển linh một cách chung chung, mà là để tỏ thái độ căm thù đối với kẻ ngoại xâm. Đó là Quảng Lợi Thánh Hựu Uy Tế Phu Cầm đại vương, vị

thần đã thể hiện sức mạnh của mình trước phép thuật của Cao Biền, một tên xâm lược nổi danh về bùa yểm: “Bỗng nhiên gió mưa ùng ùng, đào đất, kéo đồng sắt lên, vỡ tan thành bụi. Cao vương ngậm giận, nói: ‘Ta biết sẽ [phải] về Bắc.’ Rồi quả như vậy.”¹³; là hai chị em Trưng Nữ vương, sống thì chiến đấu kiên cường chống ngoại xâm, chết lại hiển linh làm mưa cứu dân. Dù giúp vua đánh giặc hay giúp dân làm điều thiện thì cũng là đóng góp phần quan trọng vào việc tạo nên sức mạnh để người Việt Nam chiến thắng ngoại xâm. Những trường hợp ấy không thể kể hết... Trong thời đó (cũng như trong nhiều thời đại của lịch sử dân tộc ta), thần linh là một sức mạnh ghê gớm, không gì địch nổi. Vì vậy họ tin rằng nếu được thần linh giúp đỡ, ra trận ắt sẽ chiến thắng kẻ thù. Đây là nguồn động viên rất lớn đối với mỗi người dân trong các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm.

Nhưng một điều đáng chú ý là những vị thần đầy uy quyền trên đây lại chịu sự ban phong của các vua. Việc vua ban sắc phong cho thần không chỉ thấy trong *VDULT* mà kéo dài suốt cho đến những năm cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam. Vào các đình, đền miếu hôm nay, chúng ta không khó khăn gì khi muốn tìm đọc được dăm bảy, thậm chí là vài chục đạo sắc của một vị thần nào đó được các triều vua phong tặng. Có những vị thần được tặng phong từ thời *VDULT*, mà đến đời Lê Cảnh Hưng, qua Quang Trung, sang đời Nguyễn, thậm chí là đến thời Bảo Đại (1926 – 1945) vẫn được ban sắc phong.

Sở dĩ có hiện tượng ấy là vì: tuy chế độ phong kiến rất đề cao vương quyền, xem nhà vua như “con trời” nhưng thần quyền luôn là một thực thể tồn tại vững chắc trong tín ngưỡng dân gian. Không phủ

nhận được thần quyền, thì chế độ phong kiến - cụ thể là người cầm đầu các vương triều - thừa nhận và lợi dụng nó. Họ luôn xây dựng nên những cốt truyện trong dân gian rằng: trận đánh này, nhà vua nọ, ông tướng kia đã được ông thần ấy, bà thần này hiển linh, trợ giúp. Làm như vậy, uy quyền của các vua đương thời được tăng thêm, vương quyền trong các cuộc chinh chiến vì vậy mà được đề cao thêm một bậc. Phần khác, việc những vị thần được vua ban phong sau mỗi thắng lợi lại làm cho nhân dân tin rằng thắng lợi của nhà vua là do có thần linh trợ giúp; mà một ông vua đã được thần linh trợ giúp hẳn phải là vua của một triều đại “vua sáng tôi hiền”, nên họ càng dốc lòng cho công cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

Hãy trở lại ba đợt vua ban phong các thần được chép trong *VDULT*: Trùng Hưng nguyên niên (1285), Trùng Hưng 4 (1288) và Hưng Long 21 (1313):

Năm Thiệu Bảo 7 thời Trần Nhân Tông (1285), Hốt Tất Liệt đã đem quân xâm lược nước ta. Với quyết tâm chống giặc, quân ta đã chiến thắng. Khải hoàn trở về, để đánh dấu thắng lợi của dân tộc, vua Trần đã đổi niên hiệu thành Trùng Hưng và sắc phong cho các thần.

Mấy năm sau, quân Nguyên Mông lại rắp tâm xâm lược đất nước nhỏ bé này một lần nữa. Nhưng chúng lại phải rút chạy trước địa linh nhân kiệt Việt Nam vào năm Trùng Hưng 4 với thất bại thảm hại trên sông Bạch Đằng. Chiến thắng này là hồi chuông cầu hồn cho mộng xâm lăng Đại Việt của đế quốc Nguyên Mông. Một lần nữa, những vị thần linh đáng kính của người Việt Nam lại được gia phong.

Nhưng không chỉ riêng lũ giặc hung hăng phương Bắc có ý định nhòm ngó đất

nước ta, “ông bạn láng giềng” phương Nam là Chiêm Thành cũng luôn không chịu yên phận, chẳng biết đã bao lần đem quân sang quấy rối. Năm Hưng Long 21 (1313), dưới sự lãnh đạo của vua Trần Anh tông, quân ta đã đánh thắng quân Chiêm, bắt sống Chế Chí, đưa về Thăng Long. Để mừng chiến thắng này, cũng như những lần trước, Trần Anh tông lại “phong danh thần các sứ”.

Như vậy là, các đợt gia phong được ghi lại trong *VDULT* đều gắn với chiến thắng chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Điều này chẳng những khẳng định sự đóng góp không nhỏ của các thần đối với độc lập dân tộc, mà còn là một yếu tố củng cố uy quyền cho vua đương thời, cũng có nghĩa là đề cao người đại diện cho dân tộc Việt Nam, khẳng định sức mạnh của dân tộc Việt Nam và chủ quyền lãnh thổ, qua đó, tăng thêm niềm tin tưởng, lạc quan của toàn dân tộc và thắng lợi của một vương triều được thần linh luôn trợ giúp.

Từ đó, có thể thấy, sự ra đời của *VDULT* có ý nghĩa vô cùng lớn lao, giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh. Hoàn cảnh lịch sử đã yêu cầu phải có một tác phẩm như vậy. Với ý nghĩa này, tác phẩm không chỉ có giá trị trong thời Trần, mà nó còn giữ nguyên sức hấp dẫn trong suốt thời trung đại, thời kỳ dân tộc Việt Nam luôn phải chống chọi với dã tâm đô hộ của giặc phương Bắc. Ngoài ra, một điều quan trọng nữa là *VDULT* rất phù hợp với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và đạo lý ăn quả nhớ kẻ trồng cây của người Việt Nam. Sau khi thắng giặc trở về, không chỉ những người có công được khen thưởng, mà các thần linh, những người đã khuất cũng không bị lãng quên. Đây là một điều có ý nghĩa sâu sắc đối với việc động viên, khích lệ tinh thần yêu nước của dân tộc

Việt Nam nói chung và tinh thần chống giặc nói riêng. Phải chăng, chính vì những lý do trên, mà tác phẩm của Lý Tế Xuyên đã không ngừng được người đời sau yêu mến và gia công “tục biên”, “trùng bổ”, “tiêm bình”, “tân đính hiệu bình”?

Chú thích

1. VDULT hiện có ít nhất 12 văn bản lưu trữ tại nhiều thư viện trong và ngoài nước: *Việt điện u linh* A.1919; *Việt điện u linh tập* VHv.1503; *Việt điện u linh tập* A.751; *Việt điện u linh tập lục* A.2879; *Việt điện u linh tập lục* VHv.1285/2; *Việt điện u linh tập lục* A.47; *Việt điện u linh tập lục toàn biên* VHv.1285/1; *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập* A.335 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm); *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập* Hv.180 (Thư viện Viện Sử học); *Việt điện u linh tập lục* D-X-3-9 (Thư viện Đông Dương văn khố, Tokyo, Nhật Bản); *Việt điện u linh tập lục* SA. HM. 2119; *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập* A.335 (Thư viện Hiệp hội châu Á, Paris, Pháp).

2. Trong *Kiến văn tiểu lục*, mục *Thiên chương*, Lê Quý Đôn cho biết: *Việt điện u linh* có 3 phần: *Lịch đại nhân quân*, *Lịch đại nhân thần* và *Tuý tinh vĩ tích*. Trong đó, phần đầu có 8 truyện, phần thứ hai có 12 truyện. Riêng phần thứ ba, tác giả không nói rõ số lượng truyện là bao nhiêu. Có lẽ là vì một lý do nào đó mà đoạn ghi về số lượng truyện của phần này bị lạc mất trong các lần sao chép chẳng? Về sau, trong *Lịch triều hiến chương loại chí* - mục *Nghệ văn chí*, Phan Huy Chú lại viết rằng tác phẩm này của Lý Tế Xuyên có 28 truyện.

Nhưng trong 8 văn bản *Việt điện u linh* chép tay hiện có tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (A. 1919, A. 2879, A. 47, VHv. 1285/1, VHv. 1503 và A. 335), trong đó, cả sáu bản gần với bản gốc (không kể đến VHv. 1503 và A. 335, vì hoặc là chép quá tóm tắt, sơ lược, lại lộn xộn, chữ viết sai nhiều, hơn nữa, người sao chép đã tùy tiện

thêm vào khá nhiều truyện không phải trong VDULT, khiến cho số truyện lên tới 88, nên ít có giá trị khoa học – VHv. 1503; hoặc là đã bị biên soạn lại toàn bộ - A. 335) đều chỉ có 27 truyện. Không biết vì sao Phan Huy Chú lại nói là 28 truyện. Vì lý do nào đó mà một truyện đã bị thất truyền chẳng? Trong lời giới thiệu cuốn *Việt điện u linh*, GS. Đinh Gia Khánh có viết: “Trong các bản A. 47 và A. 1919, truyện Triệu Quang Phục, Lý Phật Tử được cắt làm hai. Vì vậy, con số truyện cũng là 28”. Thực ra không phải như vậy. Đây vẫn chỉ là một truyện viết về Triệu Việt Vương và Lý Nam Đế, nhưng tên hai người đã viết dài, để tỏ ý tôn trọng. Vì vậy, có lẽ do sơ ý, nên GS. Đinh Gia Khánh đã tưởng lầm là hai truyện.

3. Nguyễn Đăng Na, 1986. *Tạp chí Văn học* số 1.

4. *Việt điện u linh*, 1960 và *Việt điện u linh*, 1972. Nxb. Văn hoá, Hà Nội.

5. *Việt điện u linh tập*, 1961. Khai trí, Sài Gòn.

6. *Việt điện u linh tập*, A.751, tờ 30b – 31^a.

7. Sự phân chia thành 2 giai đoạn “sinh thời” và “khi hóa” này chỉ là tương đối, vì chỉ nhân thần mới có sự phân biệt ấy, còn thiên thần thì không.

8. TH là viết tắt của niên hiệu Trùng Hưng.

9. HL là viết tắt của niên hiệu Hưng Long (Thời Trần).

10. Tên các mục chúng tôi lấy theo bản VDULT mang ký hiệu A.47. Về lý do của điều này, xin xem thêm: Đào Phương Chi. *Nghiên cứu văn bản VDULT và quá trình dịch chuyển của văn bản* – Chương I (Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, chuyên ngành Hán Nôm. Hà Nội, 2007).

11. Vì không một văn bản nào ghi được đầy đủ mỹ tự của các thần, nên mỹ tự của các thần trong bài viết này không ghi theo văn bản VDULT nào cụ thể, mà được ghi một cách đầy đủ nhất bằng cách dựa vào các mỹ tự được liệt kê ở cuối mỗi truyện trong

các văn bản *VDULT* kê ở mục tài liệu tham khảo cuối bài viết này.

12. Phúc thần: Vị thần ban phúc cho dân.

13. *Việt điện u linh tập lục*, VHv.1285/2, tờ 33^a.

Tài liệu tham khảo

1. *Việt điện u linh* A.1919.

2. *Việt điện u linh tập* VHv.1503.

3. *Việt điện u linh tập* A.751.

4. *Việt điện u linh tập lục* A.2879.

5. *Việt điện u linh tập lục* VHv.1285/2.

6. *Việt điện u linh tập lục* A.47.

7. *Việt điện u linh tập lục* D-X-3-9.

8. *Việt điện u linh tập lục* SA. HM. 2119.

9. *Việt điện u linh tập lục toàn biên* VHv.1285/1.

10. *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập* A.335 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).

11. *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập* A.335 (Thư viện Hiệp hội châu Á, Paris, Pháp).

12. *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập* Hv.180.

13. Đào Phương Chi, 2007. *Nghiên cứu văn bản VDULT và quá trình dịch chuyển của văn bản*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, chuyên ngành Hán Nôm, Hà Nội.

14. Lê Quý Đôn, 1964. *Kiến văn tiểu lục*, Bộ Quốc gia giáo dục.

15. Phan Huy Chú, 1992. *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

16. Nguyễn Đăng Na, 1986. *Tìm hiểu quan điểm biên soạn và phương pháp biên soạn của Lý Tế Xuyên qua Việt điện u linh tập*, Tạp chí Văn học số 1.

17. *Việt điện u linh*, 1960. Nxb. Văn hoá, Hà Nội.

18. *Việt điện u linh*, 1972. Nxb. Văn hoá, Hà Nội.

19. *Việt điện u linh tập*, 1961. Khai trí, Sài Gòn.